DẠY TIẾNG ANH CHO THẾ HỆ GEN Z BẰNG VIDEO NGẮN: TIẾP CẬN VI HỌC TẬP NHẰM NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIẢNG DẠY TIẾNG ANH

Châu Thị Khánh Linh
Khoa Ngoại Ngữ- Đại học Văn Hiến
Email: linhctk@vhu.edu.vn

Tóm tắt: *Thế hệ Gen Z có xu hướng ưa chuộng các nội dung học tập ngắn gọn, có tính tương tác và dễ dàng truy cập trên thiết bị di động, tạo ra nhiều cơ hội mới cho việc tích hợp video dạng ngắn vào giảng dạy tiếng Anh. Bài viết này phân tích giá trị sư phạm của video dạng ngắn dưới góc độ vi học tập (microlearning), học tập di động (mobile learning) và học tập đa phương tiện (multimedia learning). Thông qua phương pháp tổng quan tài liệu, bài báo tổng hợp các nghiên cứu gần đây về đặc điểm học tập của thế hệ Gen Z, video dạng ngắn và các lý thuyết học tập liên quan. Kết quả cho thấy video dạng ngắn có thể nâng cao động lực, mức độ tham gia, sự tập trung và khả năng phát triển ngôn ngữ của người học khi được tích hợp vào các hoạt động học tập có cấu trúc. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất các chiến lược tích hợp video dạng ngắn theo ba giai đoạn: trước khi xem, trong khi xem và sau khi xem, đồng thời nhấn mạnh tiềm năng của việc khuyến khích sinh viên tự tạo video và ứng dụng các công cụ trí tuệ nhân tạo (AI) trong hỗ trợ dạy và học tiếng Anh. Bài báo kết luận rằng hiệu quả của video dạng ngắn phụ thuộc chủ yếu vào thiết kế sư phạm phù hợp hơn là bản thân công nghệ.*

Từ khóa: *Thế hệ Gen Z, video dạng ngắn, giảng dạy tiếng Anh, vi học tập, học tập di động, học tập đa phương tiện.*

TEACHING ENGLISH TO GENERATION Z THROUGH SHORT VIDEOS: A MICROLEARNING APPROACH TO ENHANCING ENGLISH LANGUAGE INSTRUCTION

Abstract: *Generation Z learners prefer short, interactive, and mobile-friendly learning content, creating new opportunities for integrating short-form videos into English language teaching. This paper examines the pedagogical value of short-form videos from the perspectives of microlearning, mobile learning, and multimedia learning. Using a literature review approach, it synthesizes recent studies on Generation Z learning characteristics, short-form videos, and relevant learning theories. The findings suggest that short-form videos can enhance learners' motivation, engagement, attention, and language development when integrated into structured learning activities. Accordingly, the paper proposes practical strategies based on three instructional stages—pre-viewing, while-viewing, and post-viewing—and highlights the potential of student-generated videos and AI-assisted tools to support English language learning. The paper concludes that the effectiveness of short-form videos depends primarily on sound pedagogical design rather than the technology itself.*

Keywords: *Generation Z, short-form videos, English language teaching, microlearning, mobile learning, multimedia learning.*

Nhận bài: 16/06/2026 Phản biện: 16/07/2026 Duyệt đăng: 18/07/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ số và trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence – AI) đang tạo ra những thay đổi đáng kể trong giáo dục, đặc biệt là giảng dạy và học tập ngoại ngữ. Chuyển đổi số không chỉ thúc đẩy việc ứng dụng công nghệ vào lớp học mà còn định hướng đổi mới phương pháp dạy học theo hướng lấy người học làm trung tâm, tăng cường tính linh hoạt, cá nhân hóa và khả năng tiếp cận các nguồn học liệu số đa dạng (UNESCO, 2023). Cùng với các công cụ AI như ChatGPT, Gemini và Microsoft Copilot, sự phát triển của các nền tảng mạng xã hội đã mở ra những môi trường học tập mới, cho phép người học tiếp cận kiến thức mọi lúc, mọi nơi thông qua các thiết bị di động.

Trong bối cảnh đó, các nền tảng như TikTok, YouTube Shorts và Instagram Reels ngày càng được ứng dụng trong giảng dạy tiếng Anh. Các video dạng ngắn (short-form videos) cung cấp nội dung súc tích về từ vựng, phát âm, ngữ pháp, hội thoại và văn hóa, đồng thời phù hợp với các nguyên lý của học tập trên thiết bị di động (mobile learning) và học tập vi mô (microlearning). Với thời lượng ngắn và tập trung vào một mục tiêu học tập cụ thể, video dạng ngắn giúp người học học tập linh hoạt, giảm tải nhận thức và duy trì sự chú ý trong quá trình học (Crompton & Burke, 2018; Hug, 2005).

Xu hướng này đặc biệt phù hợp với thế hệ Z (Generation Z) – những người được xem là digital natives khi lớn lên cùng Internet, điện thoại thông minh và mạng xã hội (Prensky, 2001). Sinh viên Gen Z có xu hướng ưu tiên nội dung trực quan, học tập trên thiết bị di động và các hình thức học tập linh hoạt có sự hỗ trợ của công nghệ số (Alruthaya et al., 2021). Trong khi đó, việc giảng dạy tiếng Anh tại nhiều cơ sở giáo dục vẫn chủ yếu theo phương pháp truyền thống, khiến người học chưa

có nhiều cơ hội tương tác và thực hành ngôn ngữ. Điều này đặt ra yêu cầu đổi mới phương pháp giảng dạy nhằm nâng cao động lực, mức độ tham gia và hiệu quả học tập của sinh viên (UNESCO, 2023; OECD, 2023).

Nhiều nghiên cứu gần đây đã khẳng định tiềm năng của video dạng ngắn trong giảng dạy tiếng Anh. Rasyid, Hanjariyah và Aini (2023) cho thấy TikTok giúp người học tiếp xúc với tiếng Anh trong các ngữ cảnh giao tiếp thực tế, qua đó nâng cao năng lực ngôn ngữ và động lực học tập. Alfitri (2024) cũng chỉ ra rằng TikTok hỗ trợ cải thiện kỹ năng nghe, phát âm và vốn từ vựng. Đặc biệt, tổng quan hệ thống của Jah và cộng sự (2024) kết luận rằng TikTok là một công cụ sư phạm hiệu quả khi được tích hợp với các hoạt động học tập có mục tiêu rõ ràng, góp phần nâng cao kết quả học tập, sự tham gia và động lực của người học.

Trên cơ sở đó, bài viết phân tích đặc điểm học tập của sinh viên thế hệ Z, làm rõ cơ sở lý luận của việc sử dụng video dạng ngắn trong giảng dạy tiếng Anh dưới góc nhìn của học tập trên thiết bị di động và học tập vi mô, đồng thời tổng hợp các nghiên cứu gần đây để đề xuất một số định hướng tích hợp video dạng ngắn vào hoạt động dạy học. Những đề xuất này kỳ vọng góp phần hỗ trợ giảng viên đổi mới phương pháp giảng dạy và nâng cao hiệu quả học tập tiếng Anh trong bối cảnh giáo dục số.

II. CƠ SỞ LÝ LUẬN

2.1. Thế hệ Z – những công dân số

Generation Z (Gen Z) thường được định nghĩa là những người sinh trong khoảng từ năm 1997 đến năm 2012 (Pew Research Center, 2019). Đây là thế hệ đầu tiên lớn lên trong bối cảnh Internet, điện thoại thông minh và mạng xã hội phát triển mạnh mẽ, vì vậy họ thường được gọi là digital natives (công dân số)– những người có khả năng tiếp cận và sử dụng công nghệ số một cách tự nhiên ngay từ nhỏ (Prensky, 2001). Khác với các thế hệ trước, Gen Z không chỉ sử dụng công nghệ như một công cụ hỗ trợ mà còn xem môi trường số là một phần của cuộc sống hằng ngày, từ học tập, giao tiếp đến giải trí. Theo Alruthaya, Nguyen và Lokuge (2021), người học Gen Z có xu hướng tìm kiếm thông tin trực tuyến, ưu tiên các nền tảng số có tính tương tác cao và mong muốn được tiếp cận kiến thức theo nhu cầu cá nhân. Những đặc điểm này đã làm thay đổi đáng kể cách thức tiếp cận tri thức cũng như kỳ vọng của người học đối với môi trường giáo dục.

Bên cạnh đó, sự phổ biến của điện thoại thông minh và Internet tốc độ cao đã hình thành thói quen luôn luôn kết nối ở người học Gen Z. Theo OECD (2023), thiết bị di động hiện không chỉ đóng vai trò là công cụ giao tiếp mà còn là phương tiện học tập quan trọng, cho phép người học truy cập tài liệu, tham gia các khóa học trực tuyến và tương tác với giáo viên cũng như bạn học ở mọi lúc, mọi nơi. Trong giảng dạy ngoại ngữ, đặc điểm này tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai các mô hình mobile learning, trong đó các nguồn học liệu số như podcast, ứng dụng học ngoại ngữ và đặc biệt là short-form videos có thể được khai thác như những công cụ hỗ trợ học tập linh hoạt. UNESCO (2023) cũng nhấn mạnh rằng việc tích hợp các công nghệ số vào giáo dục cần xuất phát từ nhu cầu và đặc điểm của người học nhằm nâng cao chất lượng dạy học và phát triển năng lực học tập suốt đời. Vì vậy, hiểu rõ đặc điểm của Gen Z là cơ sở quan trọng để lựa chọn các phương pháp và học liệu phù hợp trong giảng dạy tiếng Anh.

2.2. Đặc điểm học tập của Thế hệ Z

Là thế hệ lớn lên trong môi trường số, Gen Z sở hữu những đặc điểm học tập khác biệt so với các thế hệ trước. Nhiều nghiên cứu cho thấy người học Gen Z có xu hướng ưu tiên các nội dung trực quan (visual learning), sử dụng công nghệ thường xuyên (technology-oriented), chủ động tìm kiếm thông tin (autonomous learning) và mong muốn được tham gia vào các hoạt động học tập mang tính tương tác và hợp tác (Seemiller & Grace, 2017; Alruthaya et al., 2021). Thay vì chỉ tiếp nhận kiến thức thông qua bài giảng truyền thống, họ có xu hướng khai thác các nguồn học liệu đa phương tiện như video, hình ảnh, infographic và các nền tảng mạng xã hội để hỗ trợ quá trình học tập. Điều này phù hợp với xu hướng giáo dục hiện đại, trong đó người học đóng vai trò trung tâm và chủ động kiến tạo tri thức thông qua trải nghiệm học tập.

Một đặc điểm nổi bật khác của Gen Z là nhu cầu cá nhân hóa học tập (personalized learning). Theo OECD (2023), người học hiện nay mong muốn được lựa chọn nội dung, tốc độ và hình thức học tập phù hợp với khả năng cũng như mục tiêu cá nhân. Sự phát triển của AI và các nền tảng học tập số đã góp phần đáp ứng nhu cầu này thông qua việc cung cấp các nội dung học tập được cá nhân hóa và phản hồi tức thời. Trong giảng dạy tiếng Anh, short-form videos đáp ứng tốt các đặc điểm trên nhờ nội dung ngắn gọn, trực quan, dễ truy cập

trên thiết bị di động và có thể xem lặp lại nhiều lần theo nhu cầu của từng người học. Tổng quan hệ thống của Jah và cộng sự (2024) cho thấy TikTok và các nền tảng video ngắn không chỉ nâng cao động lực học tập mà còn thúc đẩy sự tham gia, tính tự chủ và khả năng hợp tác của người học thông qua các hoạt động sáng tạo nội dung và tương tác trực tuyến. Do đó, việc tích hợp video ngắn vào giảng dạy tiếng Anh được xem là phù hợp với đặc điểm học tập và kỳ vọng của sinh viên Gen Z trong bối cảnh chuyển đổi số.

Một đặc điểm nữa thường được đề cập khi nghiên cứu về Gen Z là xu hướng tiếp nhận thông tin nhanh nhưng gặp khó khăn trong việc duy trì sự tập trung đối với các bài giảng kéo dài. Tuy nhiên, nhiều học giả cho rằng vấn đề không phải là người học thiếu khả năng tập trung mà là họ có xu hướng lựa chọn những nội dung ngắn gọn, hấp dẫn và có tính tương tác cao (Seemiller & Grace, 2017). Trong môi trường số, Gen Z thường xuyên tiếp xúc với lượng lớn thông tin từ nhiều nền tảng khác nhau, dẫn đến việc hình thành thói quen xử lý thông tin theo từng đơn vị nhỏ. Vì vậy, các bài giảng kéo dài hoặc chứa quá nhiều thông tin trong một lần truyền tải có thể làm giảm mức độ chú ý và động lực học tập.

Những đặc điểm trên có thể được giải thích thông qua Thuyết Học tập Đa phương tiện (Multimedia Learning Theory) của Mayer (2021) và Thuyết Tải nhận thức (Cognitive Load Theory) của Sweller, Ayres và Kalyuga (2011). Theo Mayer (2021), người học tiếp thu hiệu quả hơn khi thông tin được trình bày kết hợp giữa hình ảnh và âm thanh, trong khi Cognitive Load Theory cho rằng việc chia nhỏ nội dung học tập giúp giảm tải nhận thức và tăng khả năng ghi nhớ. Với thời lượng ngắn và nội dung tập trung vào một mục tiêu học tập cụ thể, video dạng ngắn đáp ứng đồng thời cả hai nguyên lý này. Các nghiên cứu gần đây cũng cho thấy việc sử dụng video ngắn trong giảng dạy tiếng Anh giúp nâng cao sự tập trung, tăng mức độ tham gia và cải thiện kết quả học tập khi được tích hợp với các hoạt động sư phạm phù hợp (Jah et al., 2024; Sulistianah et al., 2025). Điều này cho thấy video dạng ngắn vừa phù hợp với đặc điểm nhận thức của Gen Z, vừa có cơ sở lý luận vững chắc từ các lý thuyết học tập hiện đại.

2.3 Học tập trên thiết bị di động, học tập vi mô và ứng dụng video dạng ngắn trong giảng dạy tiếng Anh

Mobile learning là hình thức học tập qua thiết bị di động, cho phép người học tiếp cận nội dung mọi lúc, mọi nơi, tạo môi trường học tập linh hoạt và cá nhân hóa (Crompton & Burke, 2018). Đối với giảng dạy tiếng Anh, mobile learning giúp tăng khả năng tiếp cận, tính linh hoạt và phù hợp với thói quen học tập của sinh viên Gen Z (Alruthaya et al., 2021; OECD, 2023).

Song song với đó, microlearning tổ chức nội dung thành các đơn vị kiến thức ngắn (1–5 phút), tập trung vào một mục tiêu học tập cụ thể. Cách tiếp cận này giúp giảm tải nhận thức, tăng khả năng ghi nhớ, động lực học tập và sự tham gia của người học (Sweller et al., 2011; Mayer, 2021; Shail, 2019).

Trên cơ sở đó, short-form videos là công cụ kết nối mobile learning và microlearning trong dạy học tiếng Anh. Với thời lượng ngắn (30 giây–3 phút), mỗi video tập trung vào một nội dung như từ vựng, phát âm, ngữ pháp hoặc giao tiếp và dễ dàng truy cập qua TikTok, YouTube Shorts hay Instagram Reels. Việc kết hợp hình ảnh, âm thanh và phụ đề giúp duy trì sự chú ý, giảm tải nhận thức và tăng mức độ tham gia của người học. Các nghiên cứu cho thấy video ngắn góp phần nâng cao động lực học tập, cải thiện kỹ năng nghe, nói, phát âm và vốn từ vựng khi được tích hợp với các hoạt động sư phạm phù hợp (Jah et al., 2024; Sulistianah et al., 2025).

Có thể khái quát mối quan hệ theo chuỗi: Mobile Learning → Microlearning → Short-form Videos → Higher Student Engagement → Better English Learning Outcomes, cho thấy video ngắn là cầu nối giữa công nghệ số và các lý thuyết học tập hiện đại, góp phần nâng cao hiệu quả giảng dạy tiếng Anh trong bối cảnh chuyển đổi số.

2.4. Video dạng ngắn trong giảng dạy tiếng Anh

2.4.1. Video ngắn là gì?

Sự phát triển của mạng xã hội đã thúc đẩy sự phổ biến của short-form videos – các video ngắn (khoảng 30–90 giây) được thiết kế để truyền tải một nội dung hoặc mục tiêu học tập cụ thể. Các nền tảng như TikTok, YouTube Shorts, Instagram Reels và Facebook Reels cho phép người dùng tạo và chia sẻ các video kết hợp hình ảnh, âm thanh, phụ đề và hiệu ứng trực quan. Nhờ tính ngắn gọn, sinh động và dễ truy cập trên thiết bị di động, SFVs ngày càng được ứng dụng trong giảng dạy ngoại ngữ. Theo Jah et al. (2024), các nền tảng video ngắn có thể trở thành môi trường học tập số hiệu quả khi được tích hợp với các hoạt động sư phạm phù hợp. Tương tự, Yılmaz (2024) cho rằng video ngắn giúp người học tiếp

cận tiếng Anh trong các bối cảnh giao tiếp thực tế và thúc đẩy việc học tập tự chủ ngoài lớp học. Với sự kết hợp giữa mobile learning, microlearning và multimedia learning, các video ngắn được xem là học liệu số phù hợp với đặc điểm học tập của thế hệ Gen Z.

2.4.2. Lợi ích của việc sử dụng video ngắn trong giảng dạy tiếng Anh

Một trong những ưu điểm nổi bật của short-form videos là khả năng tăng hứng thú và sự tham gia của người học. Với nội dung ngắn gọn, trực quan và truyền tải nhanh, video giúp duy trì sự chú ý, giảm nhàm chán và tạo môi trường học tập năng động. Nhiều nghiên cứu cho thấy TikTok và các nền tảng tương tự góp phần nâng cao động lực học tập, mức độ tương tác và sự gắn kết của sinh viên, đặc biệt với thế hệ Gen Z (Jah et al., 2024; Sulistianah et al., 2025).

Video ngắn cũng hỗ trợ hiệu quả việc phát triển từ vựng và kỹ năng nghe nhờ cung cấp ngôn ngữ trong ngữ cảnh giao tiếp thực tế. Nội dung thường tập trung vào từ vựng, thành ngữ, cụm động từ hoặc mẫu câu giao tiếp, kết hợp hình ảnh, âm thanh và phụ đề giúp người học dễ ghi nhớ và vận dụng. Việc tiếp xúc với nhiều giọng tiếng Anh khác nhau còn cải thiện khả năng nghe hiểu và sự tự tin khi giao tiếp (Alfitri, 2024; Rasyid et al., 2023).

Bên cạnh kỹ năng tiếp nhận, short-form videos tạo cơ hội phát triển kỹ năng nói thông qua các hoạt động như shadowing, role-play, retelling và thảo luận nhóm. Các hoạt động này giúp cải thiện phát âm, ngữ điệu, độ trôi chảy và khả năng tương tác. Ngoài ra, việc tự tạo video bằng tiếng Anh còn phát triển năng lực giao tiếp, tư duy phản biện và sáng tạo (Fei & Li, 2024).

Cuối cùng, short-form videos góp phần phát triển năng lực giao tiếp liên văn hóa. Thông qua các tình huống giao tiếp xác thực, người học hiểu rõ hơn về cách sử dụng ngôn ngữ, ngôn ngữ cơ thể, quy tắc lịch sự và đặc điểm văn hóa của cộng đồng bản ngữ, từ đó nâng cao pragmatic competence và khả năng giao tiếp hiệu quả trong môi trường quốc tế (Yılmaz, 2024).

III. CÁC CHIẾN LƯỢC THỰC TIỄN TRONG TÍCH HỢP VIDEO DẠNG NGẮN VÀO GIẢNG DẠY TIẾNG ANH

Các nghiên cứu cho thấy video ngắn chỉ phát huy hiệu quả khi được tích hợp vào các hoạt động học tập có mục tiêu theo ba giai đoạn: trước khi xem, trong khi xem và sau khi xem (Brame, 2016; Mayer, 2021; UNESCO, 2023). Cách tiếp cận này giúp tăng động lực, mức độ tham gia và hiệu quả học tập.

3.1. Trước khi xem (Pre-viewing)

Giáo viên kích hoạt kiến thức nền bằng cách yêu cầu người học dự đoán nội dung qua tiêu đề, hình ảnh hoặc thumbnail, thảo luận ngắn và giới thiệu từ vựng trọng tâm. Các hoạt động này giúp giảm tải nhận thức và tạo hứng thú học tập (Sweller, 1988; Mayer, 2021).

3.2. Trong khi xem (While-viewing)

Người học ghi chú, sử dụng sơ đồ tổ chức thông tin và trả lời câu hỏi ở nhiều mức độ tư duy. Video có thể được xem nhiều lần để tập trung lần lượt vào ý chính, phát âm, từ vựng và cấu trúc ngôn ngữ. Điều này giúp tăng khả năng ghi nhớ và xử lý thông tin (Seidel, 2024; Mayer, 2024).

3.3. Sau khi xem (Post-viewing)

Giáo viên tổ chức thảo luận, thuyết trình, đóng vai, viết tóm tắt hoặc phản hồi nhằm chuyển hóa kiến thức thành năng lực sử dụng ngôn ngữ. Các hoạt động tương tác này thúc đẩy giao tiếp và kiến tạo tri thức (Vygotsky, 1978).

3.4. Tự tạo video ngắn

Khuyến khích sinh viên tự sản xuất video bằng tiếng Anh (giới thiệu, kể chuyện, phỏng vấn, thuyết trình...) để phát triển đồng thời kỹ năng ngôn ngữ, năng lực số, sáng tạo và làm việc nhóm (Reyna & Meier, 2018; Hafner & Miller, 2021). Các công cụ AI như Canva AI, CapCut AI, InVideo AI, Synthesia hay HeyGen hỗ trợ tạo video, phụ đề và thuyết minh, giúp giảm thời gian thiết kế học liệu. Tuy nhiên, AI chỉ nên được xem là công cụ hỗ trợ; hiệu quả phụ thuộc vào việc giáo viên thiết kế hoạt động học tập phù hợp và hướng dẫn người học sử dụng AI một cách có trách nhiệm (UNESCO, 2023; Mayer, 2024).

IV. KHUYẾN NGHỊ VỀ VIỆC ỨNG DỤNG VIDEO DẠNG NGẮN TRONG GIẢNG DẠY TIẾNG ANH

4.1. Đối với cơ sở giáo dục

Các trường đại học cần bồi dưỡng năng lực số và năng lực sư phạm cho giảng viên; đầu tư hệ thống LMS, phòng học đa phương tiện, hạ tầng Internet và phần mềm bản quyền. Đồng thời, xây dựng kho học liệu số và thư viện video được phân loại theo trình độ và mục tiêu học tập nhằm hỗ trợ giảng dạy hiệu quả, thống nhất.

4.2. Đối với người dạy

Giảng viên cần lựa chọn video phù hợp với mục tiêu môn học, trình độ người học và có nội dung xác thực. Video nên được tích hợp với các

hoạt động trước – trong – sau khi xem, khuyến khích người học ghi chú, thảo luận, đóng vai, thuyết trình, viết phản hồi và tự sản xuất video để tăng tính chủ động.

4.3. Đối với người học

Sinh viên cần phát triển năng lực số, biết lựa chọn nguồn học liệu đáng tin cậy, sử dụng AI có trách nhiệm và học tập với tư duy phản biện. Đồng thời, cần được khuyến khích trở thành người sáng tạo nội dung thay vì chỉ tiếp nhận thông tin, qua đó phát triển tự học, giao tiếp, sáng tạo và hợp tác.

V. KẾT LUẬN

Video dạng ngắn là công cụ tiềm năng trong giảng dạy tiếng Anh nhờ phù hợp với mobile learning và microlearning, giúp giảm tải nhận thức và tăng hứng thú học tập. Tuy nhiên, hiệu quả phụ thuộc vào cách giảng viên thiết kế hoạt động học tập và kết hợp AI một cách hợp lý. Trong tương lai, cần có thêm các nghiên cứu thực nghiệm để đánh giá hiệu quả của video dạng ngắn và vai trò của AI đối với từng kỹ năng ngôn ngữ trong giáo dục đại học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Alfitri, B. (2024). The impact of short-form content TikTok on English language learning development among Generation Z: A case study of students at Institut Elkatarie. Majapahit Journal of English Studies, 1(2), 174–191. https://doi.org/10.69965/mjes.v1i2.103

Alruthaya, A., Nguyen, T.-T., & Lokuge, S. (2021). The application of digital technology and the learning characteristics of Generation Z in higher education. Education and Information Technologies, 27, 6863–6887. https://doi.org/10.1007/s10639-021-10785-1

Brame, C. J. (2016). Effective educational videos: Principles and guidelines for maximizing student learning from video content. CBE—Life Sciences Education, 15(4), es6.

Crompton, H., & Burke, D. (2018). The use of mobile learning in higher education: A systematic review. Computers & Education, 123, 53–64. https://doi.org/10.1016/j.compedu.2018.04.007

Fei, X., & Li, C. (2024). An integrating of blended learning in college English teaching based on TikTok short videos. International Journal of Sociologies and Anthropologies Science Reviews, 4(4), 1079–1092. https://doi.org/10.60027/ijsasr.2024.4369

Fiorella, L., & Mayer, R. E. (2015). Learning as a generative activity: Eight learning strategies that promote understanding. Cambridge University Press.

Hafner, C. A., & Miller, L. (2021). English in the Digital Age: Information and Communications Technologies for Language Learning. Routledge.

Hug, T. (2005). Micro learning and narration. Innsbruck University Press.

Jah, N. J. A., Tahreb, N. S., Ibrahim, Q., Hamzah, I. F. A., & Abd Halim, N. (2024). TikTok as pedagogical tool for English language learning: A systematic literature review. Gading Journal for the Social Sciences, 27(Special Issue), 101–111.

Luckin, R., & Cukurova, M. (2024). AI for Schoolteachers. Open University Press.

Mayer, R. E. (2021). Multimedia Learning (3rd ed.). Cambridge University Press.

Mayer, R. E. (2024). The past, present, and future of the cognitive theory of multimedia learning. Educational Psychology Review, 36, Article 8. https://doi.org/10.1007/s10648-023-09842-1

OECD. (2023). OECD Digital Education Outlook 2023: Towards an Effective Digital Education Ecosystem. OECD Publishing.

Pew Research Center. (2019). Defining generations: Where Millennials end and Generation Z begins.

Prensky, M. (2001). Digital natives, digital immigrants. On the Horizon, 9(5), 1–6. https://doi.org/10.1108/10748120110424816

Rasyid, F., Hanjariyah, H., & Aini, N. (2023). TikTok as a source of English language content: Perceived impacts on students' competence. International Journal of Learning, Teaching and Educational Research, 22(10), 340–358.

Reyna, J., & Meier, P. C. (2018). Using learner-generated digital media (LGDM) projects to enhance student learning. Australasian Journal of Educational Technology, 34(3), 1–15.

Seemiller, C., & Grace, M. (2017). Generation Z: Educating and engaging the next generation of students. Jossey-Bass.

Seidel, N. (2024). Short, long, and segmented learning videos: From YouTube practice to enhanced video players. Technology, Knowledge and Learning, 29, 1965–1991. https://doi.org/10.1007/s10758-024-09745-2

Shail, M. S. (2019). Using micro-learning on mobile applications to increase knowledge retention and work performance: A review of literature. Cureus, 11(8), e5307.

Sulistianah, S., Kurniasih, S., & Tarihoran, N. (2025). Leveraging TikTok for English language teaching: A systematic review. Jurnal Pendidikan dan Sastra Inggris, 5(1).

Sweller, J., Ayres, P., & Kalyuga, S. (2011). Cognitive Load Theory. Springer.

UNESCO. (2023). Global Education Monitoring Report 2023: Technology in education—A tool on whose terms? UNESCO. https://doi.org/10.54676/UZQV8501

Vygotsky, L. S. (1978). Mind in society: The development of higher psychological processes. Harvard University Press.

Yılmaz, Y. (2024). Bite-sized language teaching in the digital wild: Relational pedagogy and micro-celebrity English teachers on Instagram. System, 121, 103238. https://doi.org/10.1016/j.system.2024.103238